

Số: 09 /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;
Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính
phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV
ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và
hoạt động của thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV
ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và
hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

Căn cứ Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh Lào Cai; Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PT - TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC2. *LN*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (gọi tắt Thông tư số 04/2012/TT-BNV).

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ; TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Mục 1**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ****Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Trường hợp cần thiết thì bổ trí thêm 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố do có một trong những yếu tố đặc thù sau:

- a) Thôn, tổ dân phố loại I;
- b) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng;
- c) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hình thức hoạt động, trình tự tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị, cuộc họp của thôn, tổ dân phố:

a) Hội nghị hàng năm của thôn, tổ dân phố; công tác chuẩn bị, trình tự tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (gọi tắt Nghị định số 59/2023/NĐ-CP);

b) Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định những nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP;

c) Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến Nhân dân tham gia vào dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã, đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình:

a) Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP;

b) Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tham gia trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định tại Điều 25, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tổ chức biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Các hình thức hoạt động khác.

Ngoài các hình thức hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này; căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, thôn, tổ dân phố có thể hoạt động thông qua các hình thức sau đây để tuyên truyền, vận động Nhân dân và tổ chức các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố:

a) Theo quy định tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều 26, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Trao đổi trực tiếp giữa Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố với hộ gia đình;

c) Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, tổ chức kỷ niệm ngày hội truyền thống, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, của đất nước và của địa phương, sinh hoạt truyền thống văn hóa, Tết cổ truyền của dân tộc.

Điều 7. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố và việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8, 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi khoản các khoản 4, 5, 6 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và được sửa đổi, bổ sung bởi khoản các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Mục 2

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, tổ dân phố; hàng tháng báo cáo kết quả công tác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã; hàng năm báo cáo kết quả công tác trước Hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu công việc;

2. Tổ chức thực hiện, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân, các cơ quan có liên quan đóng trên địa bàn thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư trong phạm vi thôn, tổ dân phố; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố và đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Đề xuất đưa ra cuộc họp để Nhân dân bàn, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư;

3. Tổ chức, điều hành các hoạt động của thôn, tổ dân phố; vận động người dân tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, các phong trào, hoạt động văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường; xây dựng các chương trình phát triển cộng đồng cải thiện đời sống của cư dân trong thôn, tổ dân phố;

4. Phối hợp với Lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở, Tổ hòa giải, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Thực hiện nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; hàng tháng báo cáo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công phụ trách.

2. Giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức, điều hành các hoạt động của thôn, tổ dân phố khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; được tham dự cuộc họp của chính quyền cấp xã khi được mời hoặc được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

Điều 11. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Mối quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và các thôn, tổ dân phố giáp ranh, liền kề để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư.

3. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương để thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại thôn, tổ dân phố.

4. Mối quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố:

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định;

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất với chính quyền địa phương ở cấp xã và cấp có thẩm quyền giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố;

c) Tổ chức công khai với Nhân dân đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; thực hiện các nội dung công khai theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Quy trình bầu, cho thôi làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

1. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; việc tiến hành bầu cử và công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 13. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm và được thực hiện thống nhất theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp do thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu bổ sung được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được bầu bổ sung chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đến ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu bổ sung được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ mới.

3. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương III PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chí quy mô số hộ gia đình.

Được xác định theo số hộ đăng ký thường trú tại thôn, tổ dân phố tính đến thời điểm rà soát phân loại do bên Công an quản lý thực tế tại địa phương.

2. Các tiêu chí yếu tố đặc thù:

a) Tỷ lệ người dân tộc thiểu số: Được xác định theo số nhân khẩu người dân tộc thiểu số so với tổng số nhân khẩu thực tế cư trú tại thôn, tổ dân phố tính đến thời điểm rà soát phân loại theo số liệu quản lý thực tế tại địa phương;

b) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng: Được xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận;

c) Thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Được xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận;

d) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền: Được xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận.

3. Phân loại thôn, tổ dân phố.

Thôn, tổ dân phố được phân thành 03 loại:

a) Thôn, tổ dân phố loại 1: Đạt từ 170 điểm trở lên;

b) Thôn, tổ dân phố loại 2: Đạt từ 130 điểm đến dưới 170 điểm;

c) Thôn, tổ dân phố loại 3: Dưới 130 điểm.

Điều 15. Phương pháp, cách tính điểm phân loại thôn, tổ dân phố

1. Phương pháp phân loại thôn, tổ dân phố.

Phân loại thôn, tổ dân phố bằng phương pháp tính điểm theo tiêu chí quy định tại Điều 14 Quy chế này, điểm phân loại thôn, tổ dân phố là tổng số điểm đạt được của các tiêu chí.

2. Cách tính điểm của các tiêu chí:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Thôn có quy mô số hộ từ 150 hộ trở xuống (thôn ở xã biên giới từ 100 hộ trở xuống); tổ dân phố có quy mô số hộ từ 200 hộ trở xuống (tổ dân phố ở phường, thị trấn biên giới từ 150 hộ trở xuống) được tính 100 điểm. Thôn có quy mô số hộ trên 150 hộ (thôn ở xã biên giới trên 100 hộ); tổ dân phố có quy mô số hộ trên 200 hộ (tổ dân phố ở phường, thị trấn biên giới trên 150 hộ), tăng thêm được 1% số hộ theo quy định được cộng thêm 01 điểm.

b) Các yếu tố đặc thù:

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số: Thôn, tổ dân phố có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm trên 50% tính 20 điểm; chiếm từ 30% đến 50% tính 10 điểm; dưới 30% tính 05 điểm;

Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng tính 10 điểm;

Thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tính 10 điểm;

Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền tính 10 điểm.

Điều 16. Trình tự và hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

1. Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Biểu tổng hợp tính điểm các tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố theo mẫu Phụ lục số 01 (đối với thôn) hoặc phụ lục số 02 (đối với tổ dân phố) và dự kiến phân loại kèm các tài liệu kiểm chứng (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố, Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện và các phòng chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện và gửi Sở Nội vụ hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố, gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo biểu tổng hợp thẩm định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn (Phụ lục số 03);
- c) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Nội vụ.

Tổ chức thẩm định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi.

Tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

Điều 17. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau thời hạn 05 năm (60 tháng), kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chí tại Quy định này, chỉ đạo tiến hành rà soát và lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố. Trình tự và hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 16 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập mới, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tiến hành lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy định của Quy chế này; định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Quy chế này;

b) Thẩm định việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên và đổi tên thôn, tổ dân phố theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên và đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định. Tổng hợp tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;

b) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên và đổi tên thôn, tổ dân phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn trên địa bàn phụ trách quản lý;

c) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn; định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn trước ngày 05 tháng 12 hằng năm;

b) Tổ chức rà soát các thôn, tổ dân phố hiện có; đối chiếu với các tiêu chí tại Quy chế này, lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Chỉ đạo, phân công công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tham gia và phối hợp chặt chẽ với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố;

d) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập mới, sáp nhập, đổi tên, ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trên địa bàn; chú trọng việc xác định những thôn, tổ dân phố có điều kiện thuận lợi, hoặc quy mô số hộ gia đình quá ít so với quy định để đề nghị sáp nhập, đồng thời tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng tình trong việc sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới, cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời thông tin, báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.